TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17-01-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Đỗ Trọng Tú- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - Tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa***: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2017/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2017 về việc: " Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2017/QĐXX-ST ngày 08/12/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đặng Thái S- sinh năm 1984; trú tại: Khu 02- xã P - huyện C - tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Vũ Thị N - sinh năm 1983; nơi ĐKHKTT: khu 02- xã P – huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ; tạm trú tại: Khu 07, thị trấn Nông Trường N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 07/7/2017 và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là anh Đặng Thái S trình bày: Anh S kết hôn với chị Vũ Thị N ngày 04/3/2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P -huyện C -tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh S tại

khu 02, xã P, huyện C. Quá trình chung sống, đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến thường nói cãi nhau. Mặc dù được hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Từ cuối năm 2011 đến nay, chị Vũ Thị N tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị N tại thị trấn Nông trường N, huyện V, tỉnh Yên Bái ở, sinh sống và vợ chồng ly thân, không quan tâm tới nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh S yêu cầu giải quyết cho ly hôn với chị Vũ Thị N.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, phối hợp với chính quyền địa phương nơi chị Vũ Thị N tạm trú để trực tiếp gặp làm việc, nhưng chị N cố tình lẩn tránh. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi chị N đăng ký HKTT và tạm trú, nhưng chị N vẫn không hợp tác và không có mặt, nên Tòa án không thu thập được quan điểm của chị Vũ Thị N.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Đặng Huyền T - sinh ngày 24/5/2006, hiện ở với anh Đặng Thái S. Nếu ly hôn, anh S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Vũ Thị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Anh Đặng Thái S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm và xác định:

Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa nghiêm túc chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt không có lý do, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Thái S được ly hôn chị Vũ Thị N.

- Về con chung: Giao cho anh Đặng Thái S trực tiếp nuôi con chung là Đặng Huyền T - sinh ngày 24/5/2006. Chị Vũ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh S không yêu cầu.

- Về án phí: Anh Đặng Thái S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Đặng Thái S và chị Vũ Thị N bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ cho thấy sau khi kết hôn, anh S và chị N sống chung với bố mẹ đẻ anh S tại khu 02, xã P huyện C đến khoảng năm 2006, thì vợ chồng chuyển đến ở cùng nhà với bố mẹ đẻ chị N tại khu 07, thị trấn Nông trường N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Khi đó, anh S làm nghề tự do, còn chị N làm giáo viên hợp đồng tại tỉnh Lai Châu. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống và anh S ham chơi bài bạc, từ đó dẫn đến vợ chồng thường đánh, cãi chửi nhau. Năm 2011, anh S về xã P, huyện C sinh sống, còn chị N cũng không làm giáo viên nữa, chuyển sang làm nghề tự do và ở cùng nhà với bố mẹ đẻ chị N tại khu 07, thị trấn Nông trường N. Đến khoảng năm 2012, anh S đón con chung là Đặng Huyền T về sống cùng anh S tại khu 02, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ và vợ chồng ly thân cho đến nay, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài thêm, nên anh Đặng Thái S yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận để tránh sự giàng buộc không có lợi cho cả hai bên.

[2]. Về con chung: Kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, con chung do anh S trực tiếp nuôi dưỡng, bảo đảm cho con chung có cuộc sống sinh hoạt, học tập tốt và nguyện vọng của con chung là mong muốn được sống cùng anh S. Do vậy, anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, cần chấp nhận để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung. Chị Vũ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh S không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Nguyên đơn không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Đặng Thái S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Thái S được ly hôn chị Vũ Thị N.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Đặng Huyền T - sinh ngày 24/5/2006 cho anh Đặng Thái S trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 01/2018 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

2.2. Chị Vũ Thị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh Đặng Thái S không yêu cầu.

2.3. Chị Vũ Thị N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Đặng Thái S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0002572 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm khê, anh Đặng Thái S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn là anh Đặng Thái S được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị đơn là chị Vũ Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hợp lệ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện, tỉnh;
-Các đương sự;
-THADS huyện Cẩm Khê;
-UBND xã Phương Xá;
-Lưu hồ sơ+VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Thắng